



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thông tin về Tập đoàn**

**Quyết định Thành lập số** 974/QĐ-TTg

ngày 25 tháng 6 năm 2010

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0100100008

ngày 11 tháng 12 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 11 tháng 12 năm 2017. Các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Quang Nghị  
Ông Lê Tiến Trường  
Ông Đặng Vũ Hùng  
Ông Phạm Phú Cường  
Ông Lê Khắc Hiệp

Chủ tịch  
Ủy viên  
Ủy viên  
Ủy viên  
Ủy viên

**Cơ quan Tổng Giám đốc**

Ông Lê Tiến Trường  
Bà Phạm Nguyên Hạnh  
Ông Lê Trung Hải  
Ông Đặng Vũ Hùng  
Ông Phạm Phú Cường  
Ông Nguyễn Đức Khiêm  
Ông Phạm Văn Tân  
Ông Lê Mạc Thuấn  
Ông Cao Hữu Hiếu  
Ông Cao Hữu Hiếu

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/1/2020)  
Giám đốc Điều hành  
(đến ngày 31/12/2019)  
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/1/2020)  
Giám đốc Điều hành  
(đến ngày 31/12/2019)  
Giám đốc Điều hành  
Giám đốc Điều hành  
(đến ngày 04/11/2019)

Ông Nguyễn Đức Trị  
Ông Nguyễn Đức Trị

Ông Nguyễn Khánh Sơn  
Bà Phạm Minh Hương

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Minh Hiền  
Bà Nguyễn Thị Kim Dung  
Ông Phan Thanh Sơn  
Bà Lê Thị Ánh Ngọc  
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài  
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 7 đến trang 80 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Lê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 7 tháng 4 năm 2020



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 4 năm 2020, được trình bày từ trang 7 đến trang 80.

### **Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Cơ quan Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

## **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú, một công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 460.083 triệu VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 432.024 triệu VND). Phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty TNHH Coats Phong Phú mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam được hưởng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 28.059 triệu VND (2018: 78.617 triệu VND). Chúng tôi không được tiếp cận với các sổ sách và tài liệu kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú, cũng như không được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này, nên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty TNHH Coats Phong Phú mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã ghi nhận cho năm kết thúc cùng ngày và các thông tin so sánh có liên quan. Do đó, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với các số liệu này nếu chúng tôi được tiếp cận với các sổ sách và tài liệu kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú cũng như được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này để thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết. Báo cáo kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến vấn đề này.

## **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng có thể có của vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc tới:

- Thuyết minh 3(b) của báo cáo tài chính hợp nhất. Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo hướng dẫn tại Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính. Các chính sách kế toán này có một số khác biệt so với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như được nêu cụ thể tại Thuyết minh 3(b) và vẫn tiếp tục có ảnh hưởng đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

- Thuyết minh 24(a) của báo cáo tài chính hợp nhất. Trong năm 2015, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCĐN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán mà trước đó đã được xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, ghi nhận khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tương ứng với phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị sổ sách của khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp là 360.510 triệu VND (1/1/2019: 360.510 triệu VND). Cũng theo Công văn 17623, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải nộp số tiền nói trên về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc giữa Tập đoàn Dệt may Việt Nam, Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

- Thuyết minh 48 của báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó đề cập đến việc một số thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 đã được điều chỉnh lại.

Các vấn đề nhấn mạnh này không liên quan đến ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-02-00183-1\*2-20-2



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 07-04-2020



Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Mẫu B 01 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>9.341.106.920.668</b>	<b>10.772.264.170.794</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>412.299.064.625</b>	<b>1.591.051.847.226</b>
Tiền	111		294.068.859.146	300.809.348.604
Các khoản tương đương tiền	112		118.230.205.479	1.290.242.498.622
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.717.957.810.829</b>	<b>530.964.535.704</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	1.717.957.810.829	530.964.535.704
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.313.751.276.066</b>	<b>3.506.098.485.161</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	2.221.905.904.397	2.327.069.170.076
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		154.581.082.303	201.282.072.077
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	163.891.444.792	172.522.442.156
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	1.072.867.342.729	1.128.786.266.023
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(299.555.928.347)	(324.757.707.864)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		61.430.192	1.196.242.693
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>3.632.577.906.079</b>	<b>4.843.699.346.538</b>
Hàng tồn kho	141		3.697.724.041.470	4.963.162.189.914
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(65.146.135.391)	(119.462.843.376)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>264.520.863.069</b>	<b>300.449.956.165</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	46.189.843.113	26.685.313.545
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		215.127.869.896	258.541.452.805
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22(a)	3.203.150.060	15.223.189.815

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>10.492.424.069.044</b>	<b>11.122.596.521.884</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>317.290.610.714</b>	<b>337.967.514.004</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		6.302.200.000	6.538.300.000
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	413.911.005.510	450.751.808.800
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	11	(102.922.594.796)	(119.322.594.796)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.819.610.165.215</b>	<b>7.365.097.360.609</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	6.576.001.310.029	7.178.171.661.284
Nguyên giá	222		12.858.122.123.460	13.636.054.984.364
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.282.120.813.431)	(6.457.883.323.080)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	14	120.962.708.756	54.262.989.793
Nguyên giá	225		160.507.724.393	63.165.850.569
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(39.545.015.637)	(8.902.860.776)
Tài sản cố định vô hình	227	15	122.646.146.430	132.662.709.532
Nguyên giá	228		172.023.713.283	170.074.055.243
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(49.377.566.853)	(37.411.345.711)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>16</b>	<b>324.297.220.190</b>	<b>178.515.423.788</b>
Nguyên giá	231		377.248.278.173	211.317.729.648
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(52.951.057.983)	(32.802.305.860)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>304.911.956.611</b>	<b>690.509.110.384</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	304.911.956.611	690.509.110.384
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.338.913.160.940</b>	<b>2.142.822.165.620</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	7(b)	2.146.875.320.334	1.919.384.959.300
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(b)	216.605.976.303	245.927.489.068
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7(b)	(28.268.135.697)	(25.795.282.748)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(a)	3.700.000.000	3.305.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>387.400.955.374</b>	<b>407.684.947.479</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	381.972.481.387	398.023.838.864
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	4.647.115.054	5.993.370.726
Tài sản dài hạn khác	268		781.358.933	581.358.933
Lợi thế thương mại	269	20	-	3.086.378.956
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>19.833.530.989.712</b>	<b>21.894.860.692.678</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>11.893.881.947.519</b>	<b>13.898.761.746.966</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.312.822.449.044</b>	<b>8.778.639.941.963</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	1.349.816.540.799	1.312.440.236.730
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		74.776.634.082	189.207.720.335
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22(b)	60.442.550.710	82.331.611.264
Phải trả người lao động	314		562.443.228.583	588.180.295.163
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23(a)	89.510.100.874	112.421.333.997
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	25	13.679.365.174	10.990.211.459
Phải trả ngắn hạn khác	319	24(a)	467.445.800.584	604.149.072.236
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26(a)	4.531.543.973.875	5.727.826.476.476
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	27	2.314.337.751	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	28	160.849.916.612	151.092.984.303
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.581.059.498.475</b>	<b>5.120.121.805.003</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		17.600.000	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		21.147.559.587	15.294.587.874
Chi phí phải trả dài hạn	333	23(b)	23.716.800.000	24.665.472.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	25	328.411.892.102	233.241.961.588
Phải trả dài hạn khác	337	24(b)	95.938.343.430	87.081.581.052
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26(b)	4.021.815.432.977	4.633.405.784.037
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	62.239.358.739	55.700.980.180
Dự phòng phải trả dài hạn	342	27	27.772.511.640	70.676.377.590
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	55.060.682

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

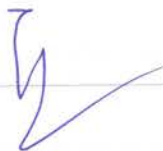
**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>	<b>29</b>	<b>7.939.649.042.193</b>	<b>7.996.098.945.712</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>7.911.309.644.211</b>	<b>7.965.717.920.710</b>
Vốn cổ phần	411	30	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.911.650.892	29.911.650.892
Vốn khác của chủ sở hữu	414		39.707.195.973	42.248.630.739
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(739.634.553.737)	(740.362.454.896)
Quỹ đầu tư phát triển	418	32	543.609.956.752	526.746.543.959
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		739.021.636.748	657.194.845.550
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		220.288.909.062	219.098.282.370
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		518.732.727.686	438.096.563.180
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	33	550.677.792.232	550.677.792.232
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.748.015.965.351	1.899.300.912.234
<b>Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>28.339.397.982</b>	<b>30.381.025.002</b>
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		28.339.397.982	30.381.025.002
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>19.833.530.989.712</b>	<b>21.894.860.692.678</b>

Ngày 7 tháng 4 năm 2020

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách  
Trưởng Ban Tài chính Kế toán



Lê Tiên Trường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	35	19.022.680.725.628	19.136.157.649.993
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	35	36.674.328.831	34.691.517.825
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>35</b>	<b>18.986.006.396.797</b>	<b>19.101.466.132.168</b>
Giá vốn hàng bán	11	36	17.470.183.409.814	17.300.466.741.035
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.515.822.986.983</b>	<b>1.800.999.391.133</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	37	366.328.378.998	324.434.230.857
Chi phí tài chính	22	38	549.334.513.564	643.885.452.531
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		517.331.839.298	457.300.477.034
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24	7(b)	700.656.909.518	672.651.827.830
Chi phí bán hàng	25	39	548.639.151.706	536.563.116.186
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	40	758.120.623.626	893.995.286.779
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>726.713.986.603</b>	<b>723.641.594.324</b>
Thu nhập khác	31	41	86.051.171.368	148.078.810.827
Chi phí khác	32	42	47.264.762.900	110.319.717.305
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>38.786.408.468</b>	<b>37.759.093.522</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>765.500.395.071</b>	<b>761.400.687.846</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>44</b>	<b>41.278.095.976</b>	<b>64.466.255.476</b>
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>44</b>	<b>7.884.634.231</b>	<b>(5.681.619.408)</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>716.337.664.864</b>	<b>702.616.051.778</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)****Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)</b>	<b>60</b>		<b>716.337.664.864</b>	<b>702.616.051.778</b>
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		518.732.727.686	438.096.563.180
Cổ đông không kiểm soát	62		197.604.937.178	264.519.488.598
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
		<b>45</b>		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		885	741
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		797	668

Ngày 7 tháng 4 năm 2020

Người lập:

Trần Thị Thu Hằng  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Ngọc Cách  
Trưởng Ban Tài chính Kế toánLê Tiên Trường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>765.500.395.071</b>	<b>761.400.687.846</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		836.391.575.493	889.228.800.886
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03		(134.035.162.752)	46.620.875.859
Lãi từ hoạt động đầu tư	04		(8.315.325.651)	55.050.933.836
Chi phí lãi vay	05		(980.892.219.954)	(863.419.680.688)
	06		517.331.839.298	457.300.477.034
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>995.981.101.505</b>	<b>1.346.182.094.773</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(470.490.215.781)	360.406.483.399
Biến động hàng tồn kho	10		848.235.653.715	(1.242.540.078.258)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		377.215.667.270	372.489.000.250
Biến động chi phí trả trước	12		(9.283.961.363)	87.739.237.670
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		-	47.062.178.000
			<b>1.741.658.245.346</b>	<b>971.338.915.834</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(531.412.745.817)	(453.521.701.768)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(39.397.017.526)	(67.690.963.801)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	134.645.500
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(77.286.553.933)	(96.300.789.943)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.093.561.928.070</b>	<b>353.960.105.822</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(760.839.968.313)	(1.269.041.704.979)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		89.993.972.884	25.956.046.623
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(1.620.163.964.971)	(162.199.935.935)
Tiền thu hồi cho vay, rút tiền gửi có kỳ hạn	24		435.772.493.710	301.300.245.049
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(58.661.103.882)	(28.722.417.582)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		69.002.392.101	178.751.852.260
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		750.971.472.131	643.791.028.496
Ảnh hưởng thuần của việc thoái vốn đầu tư vào các công ty con trong năm		5	127.538.305.410	10.224.188.780
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(966.386.400.930)</b>	<b>(299.940.697.288)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của cổ đông thiểu số	31		23.107.250.000	14.840.260.000
Tiền thu từ đi vay	33		23.597.339.132.524	12.056.138.855.595
Tiền trả nợ gốc vay	34		(24.406.893.725.728)	(11.663.549.437.555)
Tiền trả cổ tức	36		(522.274.833.281)	(368.119.804.083)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.308.722.176.485)</b>	<b>39.309.873.957</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.181.546.649.345)</b>	<b>93.329.282.491</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>1.591.051.847.226</b>	<b>1.496.319.038.319</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>2.793.866.744</b>	<b>1.403.526.416</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>6</b>	<b>412.299.064.625</b>	<b>1.591.051.847.226</b>

Ngày 7 tháng 4 năm 2020

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách  
Trưởng Ban Tài chính Kế toán



  
Lê Tiên Trường  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



# Tập đoàn Dệt May Việt Nam

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### 1. Đơn vị báo cáo

#### (a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

#### (b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

##### 1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;

## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
  - Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
  - Dịch vụ thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
  - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
  - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
  - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
  - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

#### (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (d) Cấu trúc Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 34 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 34 công ty liên kết (1/1/2019: 46 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 31 công ty liên kết).

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn đã được hạch toán trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Loại công ty	Số lượng đơn vị	Tham chiếu
Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	13	Xem Phụ lục 1
Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	13	Xem Phụ lục 2
Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	8	Xem Phụ lục 3
	<hr/>	
	34	
Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất	34	Xem Phụ lục 4
	<hr/>	
	68	
	<hr/>	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn có 33.963 nhân viên (1/1/2019: 37.278 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, ngoại trừ việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ như được trình bày ở Thuyết minh 3(b).

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ thì chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là giao dịch vốn chủ sở hữu.

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

**(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(iv) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

#### **(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

#### **(vi) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

#### **(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn ở Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCĐN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính. Theo đó, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh số lỗ chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017. Tập đoàn Dệt May Việt Nam tiếp tục phân bổ số lỗ còn lại theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Nếu Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam ghi nhận tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm phát sinh như theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, chi phí trả trước dài hạn và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ cùng giảm 6.059 triệu VND (1/1/2019: 9.088 triệu VND) và chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 lần lượt sẽ giảm và tăng cùng một khoản 3.029 triệu VND (2018: chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ giảm và tăng cùng một khoản 3.029 triệu VND).

#### **(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(d) Các khoản đầu tư**

##### **(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

##### **(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

##### **(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác của công ty mẹ Tập đoàn phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa**

Cho mục đích của báo cáo tài chính hợp nhất này, các khoản đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.
- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
- Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
- Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(t)(viii)).

#### **(iv) Đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

#### **(v) Đầu tư vào các đơn vị khác của các công ty con**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác của các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

#### **(vi) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### *Hàng tồn kho được sản xuất và để bán*

Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### *Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai*

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

#### *Đất thuê đang phát triển để cho thuê lại trong tương lai*

Giá gốc bao gồm tiền thuê đất và các chi phí phát triển liên quan khác bao gồm chi phí phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị và chi phí cho các khu vực chung.

## **(g) Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

### *Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát*

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát được Tập đoàn ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo các nội dung sau:

- Giá trị tài sản góp vốn liên doanh mà Tập đoàn kiểm soát;
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của liên doanh; và
- Các khoản chi phí Tập đoàn phải gánh chịu.

## **(h) Tài sản cố định hữu hình**

### *(i) Nguyên giá*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo dưỡng và đại tu, ngoại trừ chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	4 – 10 năm

**(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(h).

**(j) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 8 năm.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(k) Bất động sản đầu tư cho thuê**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao do có thời hạn không xác định. Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban lãnh đạo công ty con tương ứng. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- hạ tầng khu công nghiệp                      4 – 45 năm
- nhà cửa, vật kiến trúc                            10 – 50 năm

**(l) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(m) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

**(ii) Chi phí thuê văn phòng và nhà xưởng trả trước**

Chi phí thuê văn phòng và nhà xưởng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

#### **(iv) Phụ tùng thay thế**

Phụ tùng thay thế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

#### **(v) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí chủ yếu phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

#### **(vi) Chênh lệch tỷ giá**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3(b), lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trừ phần chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm 2016, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

#### **(vii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

#### **(n) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Tập đoàn xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

#### **(o) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(p) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### **(q) Trái phiếu phát hành**

##### ***Trái phiếu thường***

Trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành.

#### **(r) Vốn cổ phần**

##### ***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

#### **(s) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(t) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iv) Doanh thu cho thuê lại đất thuê**

Doanh thu cho thuê lại đất thuê được ghi nhận trước một lần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho toàn bộ thời hạn thuê nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Thời hạn thuê lại lớn hơn 90% thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất;
- Bên thuê không có quyền hủy bỏ hợp đồng thuê đất và bên cho thuê không có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nhận trước trong bất cứ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào;
- Số tiền thuê đất nhận trước không nhỏ hơn 90% tổng khoản thanh toán tiền thuê ước tính nhận được theo hợp đồng trong thời hạn thuê đất và bên thuê phải trả toàn bộ khoản thanh toán tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thuê đất;
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu quyền sử dụng đất được chuyển giao cho bên thuê; và
- Tập đoàn có thể ước tính được một cách đáng tin cậy các chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê đất.

**(v) Doanh thu bán bất động sản**

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

**(vi) Doanh thu cho thuê tài sản khác**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(vii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(viii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(d)(iii)).

**(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(v) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(w) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

#### (y) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

## 4. Báo cáo bộ phận

### (a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất; và
- Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác; và
- Các hoạt động khác: chủ yếu bao gồm bán và cho thuê bất động sản.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Giá chuyển giao giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như giao dịch với các bên thứ ba. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Năm 2019	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	17.888.271.960.415	128.839.056.253	968.895.380.129	-	18.986.006.396.797
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	2.657.980.498.791	31.081.753.389	7.422.850.141	(2.696.485.102.321)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	20.546.252.459.206	159.920.809.642	976.318.230.270	(2.696.485.102.321)	18.986.006.396.797
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	679.029.409.817	(5.182.662.432)	26.810.162.133	-	700.656.909.518
Kết quả kinh doanh của bộ phận	582.456.653.941	5.349.341.550	69.993.229.562	68.914.761.550	726.713.986.603
Thu nhập khác	140.088.959.372	6.319.739.921	2.074.757.076	(62.432.285.001)	86.051.171.368
Chi phí khác	(31.685.101.438)	(13.490.139.744)	(2.531.060.992)	441.539.274	(47.264.762.900)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(23.413.654.231)	(1.327.376.939)	(16.537.064.806)	-	(41.278.095.976)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	(537.851.688)	-	-	(7.346.782.543)	(7.884.634.231)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN	666.909.005.956	(3.148.435.212)	52.999.860.840	(422.766.720)	716.337.664.864



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Năm 2018	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	16.481.824.749.470	1.334.063.647.441	1.285.577.735.257	-	19.101.466.132.168
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	2.941.982.943.364	197.568.943.818	17.556.443.621	(3.157.108.330.803)	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận</b>	<b>19.423.807.692.834</b>	<b>1.531.632.591.259</b>	<b>1.303.134.178.878</b>	<b>(3.157.108.330.803)</b>	<b>19.101.466.132.168</b>
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	632.916.058.753	22.640.834.957	17.094.934.120	-	672.651.827.830
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>772.760.351.488</b>	<b>(3.884.749.892)</b>	<b>90.177.590.380</b>	<b>(135.411.597.652)</b>	<b>723.641.594.324</b>
Thu nhập khác	161.241.137.852	267.508.751	1.662.599.859	(15.092.435.635)	148.078.810.827
Chi phí khác	(113.881.074.845)	(157.396.995)	(3.523.945.055)	7.242.699.590	(110.319.717.305)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(46.349.824.273)	(759.952.619)	(17.356.478.584)	-	(64.466.255.476)
(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	(208.296.954)	-	-	5.889.916.362	5.681.619.408
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN</b>	<b>773.562.293.268</b>	<b>(4.534.590.755)</b>	<b>70.959.766.600</b>	<b>(137.371.417.335)</b>	<b>702.616.051.778</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>					
Tài sản của bộ phận	22.058.281.557.129	125.635.861.551	1.097.928.269.806	(5.595.190.019.108)	17.686.655.669.378
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.504.130.887.667	912.560.000	307.875.000	641.523.997.667	2.146.875.320.334
<b>Tổng tài sản của bộ phận</b>	<b>23.562.412.444.796</b>	<b>126.548.421.551</b>	<b>1.098.236.144.806</b>	<b>(4.953.666.021.441)</b>	<b>19.833.530.989.712</b>
<b>Tổng nợ phải trả của bộ phận</b>	<b>13.359.910.694.509</b>	<b>349.782.590.217</b>	<b>664.495.062.609</b>	<b>(2.480.306.399.816)</b>	<b>11.893.881.947.519</b>
<b>Năm 2019</b>					
Chỉ tiêu vốn	719.019.254.398	2.473.220.000	110.841.772.130	(71.494.278.215)	760.839.968.313
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	774.916.240.634	1.718.901.416	37.141.645.609	(26.898.514.820)	786.878.272.839
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	7.374.697.038	-	-	-	7.374.697.038
Khấu hao tài sản cố định vô hình	12.944.552.184	-	75.714.288	4.070.064	13.024.336.536
Khấu hao bất động sản đầu tư	8.130.515.609	207.734.004	5.147.094.631	-	13.485.344.244

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Tại ngày 1/1/2019</b>					
Tài sản của bộ phận	23.867.489.518.961	290.604.031.400	2.219.906.416.495	(6.402.524.233.478)	19.975.475.733.378
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.473.703.117.650	412.560.000	307.875.000	444.961.406.650	1.919.384.959.300
<b>Tổng tài sản của bộ phận</b>	<b>25.341.192.636.611</b>	<b>291.016.591.400</b>	<b>2.220.214.291.495</b>	<b>(5.957.562.826.828)</b>	<b>21.894.860.692.678</b>
<b>Tổng nợ phải trả của bộ phận</b>	<b>14.629.635.922.217</b>	<b>1.355.669.156.700</b>	<b>1.021.630.501.574</b>	<b>(3.108.173.833.525)</b>	<b>13.898.761.746.966</b>
<b>Năm 2018</b>					
Chi tiêu vốn	1.222.609.288.542	1.273.104.546	113.767.312.417	(68.608.000.526)	1.269.041.704.979
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	819.647.548.249	1.742.342.779	34.163.468.223	(2.877.724.793)	852.675.634.458
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	3.696.927.763	-	-	-	3.696.927.763
Khấu hao tài sản cố định vô hình	5.201.694.482	-	31.987.547	198.478.743	5.432.160.772
Khấu hao bất động sản đầu tư	1.741.314.611	207.734.004	3.098.299.234	121.120.253	5.168.468.102

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Bộ phận chia theo vùng địa lý được căn cứ vào khu vực phát sinh doanh thu. Theo đó, Cơ quan Tổng Giám đốc xác định bộ phận chia theo vùng địa lý cần được báo cáo bao gồm nội địa và xuất khẩu.

<b>Năm 2019</b>	<b>Nội địa VND</b>	<b>Xuất khẩu VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Tổng doanh thu của bộ phận	7.967.827.690.574	11.018.178.706.223	18.986.006.396.797
Kết quả kinh doanh của bộ phận	278.684.084.342	1.237.138.902.641	1.515.822.986.983
Thu nhập không phân bổ			1.066.985.288.516
Chi phí không phân bổ			(1.856.094.288.896)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			726.713.986.603
Thu nhập khác			86.051.171.368
Chi phí khác			(47.264.762.900)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(49.162.730.207)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			716.337.664.864
<b>Năm 2018</b>	<b>Nội địa VND</b>	<b>Xuất khẩu VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Tổng doanh thu của bộ phận	5.925.996.174.684	13.175.469.957.484	19.101.466.132.168
Kết quả kinh doanh của bộ phận	422.447.093.221	1.378.552.297.912	1.800.999.391.133
Thu nhập không phân bổ			997.086.058.687
Chi phí không phân bổ			(2.074.443.855.496)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			723.641.594.324
Thu nhập khác			148.078.810.827
Chi phí khác			(110.319.717.305)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(58.784.636.068)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			702.616.051.778

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Nội địa VND</b>	<b>Xuất khẩu VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>			
Tài sản của bộ phận	1.766.985.085.936	309.945.972.417	2.076.931.058.353
Tài sản không phân bổ			17.756.599.931.359
<b>Tổng tài sản</b>			<b>19.833.530.989.712</b>
Nợ phải trả của bộ phận	172.311.675.204	1.273.446.659.264	1.445.758.334.468
Các khoản nợ không phân bổ			10.448.123.613.051
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>11.893.881.947.519</b>
	<b>Nội địa VND</b>	<b>Xuất khẩu VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
<b>Tại ngày 1/1/2019</b>			
Tài sản của bộ phận	1.449.317.872.006	754.275.662.283	2.203.593.534.289
Tài sản không phân bổ			19.691.267.158.389
<b>Tổng tài sản</b>			<b>21.894.860.692.678</b>
Nợ phải trả của bộ phận	848.798.926.031	668.143.618.908	1.516.942.544.939
Các khoản nợ không phân bổ			12.381.819.202.027
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>13.898.761.746.966</b>

## **5. Thoái vốn đầu tư ở các công ty con**

Trong năm, Tập đoàn có thoái vốn ở các công ty con như sau:

- Ngày 20 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, đã chuyển nhượng một phần vốn đầu tư vào một công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định với giá trị ghi sổ là 13,5 tỷ VND cho các nhà đầu tư khác, qua đó, làm giảm tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định từ 91% xuống còn 46%. Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và của Tập đoàn.
- Ngày 15 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, đã chuyển nhượng một phần vốn đầu tư vào một công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam với giá trị ghi sổ là 17,6 tỷ VND cho các nhà đầu tư khác, qua đó, làm giảm tỷ lệ sở hữu trong công ty này từ 61% xuống còn 36%. Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú và của Tập đoàn.
- Ngày 30 tháng 6 năm 2019, cổ đông thiểu số của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex đã mua thêm cổ phần; qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con này từ 51,1% xuống còn 48,15%. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex trở thành công ty liên kết của Tập đoàn.
- Ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn Dệt may Việt Nam đã chuyển nhượng một phần vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Bông Việt Nam, một công ty con cấp 1, với giá trị ghi sổ là 17,6 tỷ VND cho các nhà đầu tư khác, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Dệt may Việt Nam trong công ty con này từ 55% xuống còn 19,72%. Công ty Cổ phần Bông Việt Nam trở thành khoản đầu tư khác của Tập đoàn.
- Ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn Dệt may Việt Nam đã chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Len Việt Nam, một công ty con cấp 1, với giá trị ghi sổ là 27,5 tỷ VND, tương đương tỷ lệ sở hữu 67,1%, cho các nhà đầu tư khác. Công ty Cổ phần Len Việt Nam trở thành khoản đầu tư khác của Tập đoàn do Tập đoàn vẫn có phần sở hữu gián tiếp ở Công ty Cổ phần Bông Việt Nam.
- Ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, đã chuyển nhượng một phần vốn đầu tư vào một công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang với giá trị ghi sổ là 40 tỷ VND cho các nhà đầu tư khác, qua đó, làm giảm tỷ lệ sở hữu trong công ty này từ 52% xuống còn 30%. Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú và của Tập đoàn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các giao dịch này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mất quyền kiểm soát như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại ngày mất quyền kiểm soát VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.182.010.502
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.870.293.500
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	521.059.485.841
Trả trước cho người bán ngắn hạn	28.756.941.191
Hàng tồn kho	409.331.366.757
Thuế và các khoản khác phải thu của Nhà nước	85.789.565
Tài sản ngắn hạn khác	47.045.851.378
Phải thu dài hạn khác	182.296.308.559
Tài sản cố định hữu hình – nguyên giá	1.212.838.393.541
Tài sản cố định hữu hình – giá trị hao mòn lũy kế	(723.964.768.438)
Tài sản cố định vô hình – nguyên giá	8.748.432.203
Tài sản cố định vô hình – giá trị hao mòn lũy kế	(1.058.115.394)
Bất động sản đầu tư – nguyên giá	12.843.968.512
Bất động sản đầu tư – giá trị hao mòn lũy kế	(9.863.367.680)
Xây dựng cơ bản dở dang	83.383.079.298
Chi phí trả trước dài hạn	50.737.551.018
Tài sản dài hạn khác	18.729.732.877
Phải trả người bán ngắn hạn	(297.844.213.603)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(7.707.241.762)
Phải trả ngắn hạn khác	(60.000.001.845)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(775.612.488.965)
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	(216.844.840.859)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.889.902.100)
<b>Giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại ngày mất quyền kiểm soát</b>	<b>521.124.264.096</b>
Lợi ích cổ đông không kiểm soát của công ty con cấp 2	(204.647.177.843)
<b>Phần tài sản thuần thuộc công ty con cấp 1 tại ngày mất quyền kiểm soát</b>	<b>316.477.086.253</b>
<b>Phần tài sản thuần thuộc công ty con cấp 1 sau khi mất quyền kiểm soát</b>	<b>276.211.556.508</b>
Giá trị tài sản thuần chuyển nhượng	40.265.529.745
Lãi từ thoái vốn đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 37)	122.454.786.167
Tiền thu được từ thoái vốn	162.720.315.912
Khoản tiền giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	(35.182.010.502)
<b>Khoản tiền thuần tăng lên do thoái vốn đầu tư vào công ty con</b>	<b>127.538.305.410</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	14.199.319.405	16.920.805.207
Tiền gửi ngân hàng	279.739.471.541	283.754.219.697
Tiền đang chuyển	130.068.200	134.323.700
Các khoản tương đương tiền	118.230.205.479	1.290.242.498.622
	<hr/>	
	412.299.064.625	1.591.051.847.226
	<hr/>	

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có 7.562 triệu VND (1/1/2019: 7.562 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN (Thuyết minh 24(a)).

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm 1.796 triệu VND (1/1/2019: 135.637 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**7. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.717.957.810.829	1.738.542.122.911	530.964.535.704	543.493.025.325
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	-	(*)	1.105.000.000	(*)
▪ Trái phiếu	3.700.000.000	(*)	2.200.000.000	(*)
	<u>3.700.000.000</u>		<u>3.305.000.000</u>	

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm từ 1% đến 7,2% (2018: từ 1% đến 7,3%).

Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm giá trị gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 1 tháng 1 năm 2019 hiện đang ghi nhận là khoản phải thu khác. Ban lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 1 tháng 1 năm 2019.

(\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm 110.000 triệu VND (1/1/2019: không có) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26(b)).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2019		1/1/2019		Giá trị hợp lý VND
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	
<b>Công ty liên kết</b>					
▪ Tổng Công ty May 10 - CTCP	33,82%	33,82%	33,82%	33,82%	64.199.589.933 (*)
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	30,40%	30,40%	388.508.188.710 (*)
▪ Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	46,93%	46,93%	46,93%	133.278.207.241 (*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	21,21%	21,21%	27,00%	27,00%	30.532.399.417 (*)
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	27,69%	27,69%	27,69%	27,69%	89.723.687.471 (*)
▪ Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP	35,21%	35,21%	35,21%	35,21%	45.042.195.764 (*)
▪ Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP	35,01%	35,01%	35,01%	35,01%	114.913.854.882 (*)
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	40,33%	40,33%	40,33%	40,33%	85.375.621.301 (*)
▪ Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	17,86%	17,86%	432.023.595.402 (*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức	22,05%	22,05%	22,05%	22,05%	141.253.222.287 (*)
▪ Các khoản đầu tư tại công ty liên kết khác					394.534.396.892 (*)
					<b>1.919.384.959.300</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2019		1/1/2019		Giá trị hợp lý VND	
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND		Giá trị ghi số VND
<b>Đơn vị khác</b>						
<i>Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường</i>						
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**)	0,01%	0,01%	1.348.555.000	-	1.348.555.000	-
<i>Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu khác</i>						
▪ Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	2,8%	2,8%	19.583.559.975	(11.047.595.992)	19.583.559.975	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thăng	18,02%	18,02%	6.305.925.360	-	6.305.925.360	-
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	-	-	-	-	20.000.000.000	-
▪ Các khoản đầu tư khác	-	-	189.367.935.968	(17.220.539.705)	198.689.448.733	(25.795.282.748)
			<u>216.605.976.303</u>	<u>(28.268.135.697)</u>	<u>245.927.489.068</u>	<u>(25.795.282.748)</u>

(\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chi nhằm mục đích thuyết minh thông tin.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn có tổng giá trị ghi sổ là 156.000 triệu VND (1/1/2019: 205.403 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong năm như sau:

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.919.384.959.300	1.888.606.874.259
Tăng do đầu tư vào công ty liên kết	-	21.404.807.582
Tăng do công ty con trở thành công ty liên kết	158.687.027.558	-
Phần lãi từ đầu tư vào các công ty liên kết	700.656.909.518	672.651.827.830
Cổ tức nhận được	(619.654.422.874)	(576.451.161.937)
Thanh lý các công ty liên kết	(7.500.000.000)	(85.812.886.145)
Giảm do tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại một số công ty liên kết giảm	(4.699.153.168)	(1.014.502.289)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.146.875.320.334</b>	<b>1.919.384.959.300</b>

**8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan (*)	233.239.988.791	178.919.651.229
Phải thu các khách hàng khác	1.988.665.915.606	2.148.149.518.847
	<b>2.221.905.904.397</b>	<b>2.327.069.170.076</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản phải thu khách hàng có giá trị sổ là 460.029 triệu VND (1/1/2019: 418.212 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).

(\*) Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng là các công ty liên quan như sau:

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	129.822.352.439	68.972.221.743
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewon - Thủ Đức	47.594.048.784	67.594.048.784
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	39.464.327.169	42.316.046.239
Các công ty liên quan khác	16.359.260.399	37.334.463
	<b>233.239.988.791</b>	<b>178.919.651.229</b>

Khoản phải thu của khách hàng là các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 ngày đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	90.000.000.000	-
Các công ty liên quan khác	-	1.470.042.156
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	61.600.000.000	161.600.000.000
Các công ty khác	12.291.444.792	9.452.400.000
	<b>163.891.444.792</b>	<b>172.522.442.156</b>

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm từ 7% đến 10% (2018: 6,5% đến 11%).

**10. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	537.714.824.026	505.264.408.312
Phải thu lãi cho vay	108.490.160.101	130.356.488.347
Phải thu chuyển nhượng dự án đầu tư	10.000.000.000	20.000.000.000
Góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (*)	225.000.000.000	225.000.000.000
Phải thu các khoản tạm ứng	13.423.239.425	50.363.943.192
Ký cược, ký quỹ	67.942.745.612	60.082.705.035
Phải thu Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế về các hợp đồng cho thuê tài sản	31.097.155.583	29.669.163.880
Phải thu từ tiền phạt hợp đồng	29.619.799.850	24.727.366.823
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	20.584.312.082	12.528.489.621
Phải thu người lao động	4.869.040.422	1.204.483.872
Phải thu về cổ phần hóa	5.112.133.324	5.218.333.324
Các khoản chi hộ	3.029.332.110	2.884.767.953
Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm đang chờ xử lý	-	11.480.107.451
Phải thu khác	15.984.600.194	50.006.008.213
	<b>1.072.867.342.729</b>	<b>1.128.786.266.023</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(\*) Ngày 28 tháng 4 năm 2018, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, công ty con cấp 1 của Tập đoàn, đã có biên bản thanh lý hợp đồng góp vốn vào các hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát tại Dự án Khu công nghiệp Đồng Mai trị giá 225 tỷ VND với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền này trước tháng 6 năm 2019. Khoản phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này đang được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Cơ quan Tổng giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định điều chỉnh hồi tố thông tin so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 liên quan đến vấn đề này (Thuyết minh 48).

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	278.000.000.000	195.000.000.000
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	12.600.000.000	12.600.000.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	53.623.680.000	46.920.720.000
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	33.204.124.800	16.602.062.400
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	24.637.500.000	98.550.000.000
Các công ty liên quan khác	33.844.908.039	36.522.953.200
	<b>435.910.212.839</b>	<b>406.195.735.600</b>

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (i)	62.532.895.759	43.532.895.759
Phải thu tiền bồi thường đất từ Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	102.922.594.796	119.322.594.796
Phải thu Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế về các hợp đồng cho thuê tài sản	193.247.416.406	208.451.853.740
Ký quỹ, ký cược dài hạn	15.233.531.413	44.963.966.346
Phải thu dài hạn khác	39.974.567.136	34.480.498.159
	<b>413.911.005.510</b>	<b>450.751.808.800</b>

(i) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vào Dự án Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	31/12/2019				1/1/2019			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	Trên 3 năm	33.913.572.750	(33.913.572.750)	-	Trên 3 năm	34.945.572.750	(34.945.572.750)	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	Trên 3 năm	40.313.792.764	(40.313.792.764)	-	Trên 3 năm	40.343.792.764	(40.293.065.415)	50.727.349
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Hà Đông	Trên 3 năm	29.921.566.760	(29.921.566.760)	-	Trên 3 năm	29.931.566.760	(29.931.566.760)	-
Các khách hàng khác	2 đến 3 năm	240.856.325.906	(195.406.996.073)	45.449.329.833	Trên 2 năm	227.110.520.085	(219.587.502.939)	7.523.017.146
		345.005.258.180	(299.555.928.347)	45.449.329.833		332.331.452.359	(324.757.707.864)	7.573.744.495
<b>Nợ trong hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>								
Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương		102.922.594.796	(102.922.594.796)	-		119.322.594.796	(119.322.594.796)	-
<b>Trong đó:</b>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(299.555.928.347)				(324.757.707.864)	
Dự phòng phải thu khó đòi – dài hạn			(102.922.594.796)				(119.322.594.796)	

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2019</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	183.458.465.415	-
Nguyên vật liệu	1.141.187.366.798	(7.642.752.163)
Công cụ và dụng cụ	4.242.030.785	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.264.423.321.410	(8.229.414.350)
Thành phẩm	995.538.642.195	(46.959.322.185)
Hàng hóa	32.163.162.884	(2.314.646.693)
Hàng gửi đi bán	76.711.051.983	-
	<b>3.697.724.041.470</b>	<b>(65.146.135.391)</b>
	<b>1/1/2019</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	241.188.774.983	-
Nguyên vật liệu	1.716.295.046.898	(25.800.856.949)
Công cụ và dụng cụ	13.333.729.930	(38.649.660)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.443.684.496.374	(6.432.009.319)
Thành phẩm	1.307.155.004.277	(85.233.153.971)
Hàng hóa	54.894.043.096	(1.958.173.477)
Hàng gửi đi bán	186.611.094.356	-
	<b>4.963.162.189.914</b>	<b>(119.462.843.376)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 532.414 triệu VND (1/1/2019: 837.054 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có 459.517 triệu VND nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang, thành phẩm và hàng hóa (1/1/2019: 487.823 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	3.752.055.452.389	9.260.142.750.658	363.067.834.525	97.939.330.868	162.849.615.924	13.636.054.984.364
Tăng trong năm	40.618.927.702	130.489.801.749	13.526.784.428	3.632.752.060	9.729.143.160	197.997.409.099
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	226.034.326.754	439.336.544.434	2.582.890.338	1.290.318.182	13.342.650.557	682.586.730.265
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(43.816.622.581)	-	-	-	(43.816.622.581)
thuế tài chính	(122.723.013.122)	-	-	-	-	(122.723.013.122)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(47.384.401.856)	(213.104.861.519)	(9.283.321.442)	(2.303.791.028)	(1.713.102.599)	(273.789.478.444)
Thanh lý	(3.939.278.498)	(1.410.214.082)	-	-	-	(5.349.492.580)
Xóa sổ	(317.029.455.963)	(835.303.749.226)	(49.724.492.023)	(6.776.332.384)	(4.004.363.945)	(1.212.838.393.541)
Giảm do thoái vốn đầu tư	169.000.090	7.510.112.899	(11.204.435.435)	3.159.939.665	365.382.781	-
vào các công ty con						
Phân loại lại						
Số dư cuối năm	3.527.801.557.496	8.743.843.762.332	308.965.260.391	96.942.217.363	180.569.325.878	12.858.122.123.460

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	1.250.936.977.169	4.860.059.391.673	198.801.079.163	53.136.745.111	94.949.129.964	6.457.883.323.080
Khấu hao trong năm	171.491.887.151	569.768.228.342	24.760.850.203	6.939.799.293	13.917.507.850	786.878.272.839
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	(23.267.457.823)	-	-	-	(23.267.457.823)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(17.264.656.602)	-	-	-	-	(17.264.656.602)
Thanh lý	(15.819.556.799)	(173.513.354.469)	(7.270.697.590)	(653.441.590)	(886.849.177)	(198.143.899.625)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	(200.531.056.926)	(485.698.147.920)	(30.354.755.011)	(4.639.191.503)	(2.741.617.078)	(723.964.768.438)
Phân loại lại	130.141.131	11.170.730.081	(11.204.435.435)	(461.818.558)	365.382.781	-
Số dư cuối năm	1.188.943.735.124	4.758.519.389.884	174.732.041.330	54.322.092.753	105.603.554.340	6.282.120.813.431
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	2.501.118.475.220	4.400.083.358.985	164.266.755.362	44.802.585.757	67.900.485.960	7.178.171.661.284
Số dư cuối năm	2.338.857.822.372	3.985.324.372.448	134.233.219.061	42.620.124.610	74.965.771.538	6.576.001.310.029

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản cố nguyên giá 1.785.513 triệu VND (1/1/2019: 1.702.144 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 3.986 triệu VND (1/1/2019: 5.821 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 5.422.460 triệu VND (1/1/2019: 5.746.807 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	61.967.122.023	1.198.728.546	63.165.850.569
Tăng trong năm	40.451.769.207	322.666.674	40.774.435.881
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	12.750.815.362	-	12.750.815.362
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	43.816.622.581	-	43.816.622.581
<hr/>			
Số dư cuối năm	158.986.329.173	1.521.395.220	160.507.724.393
<hr/>			
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	8.763.009.106	139.851.670	8.902.860.776
Khấu hao trong năm	7.173.001.000	201.696.038	7.374.697.038
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	23.267.457.823	-	23.267.457.823
<hr/>			
Số dư cuối năm	39.203.467.929	341.547.708	39.545.015.637
<hr/>			
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	53.204.112.917	1.058.876.876	54.262.989.793
Số dư cuối năm	119.782.861.244	1.179.847.512	120.962.708.756

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	149.749.365.598	18.323.028.045	2.001.661.600	170.074.055.243
Tăng trong năm	141.853.400	10.556.236.843	-	10.698.090.243
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	(7.135.943.519)	(712.488.684)	(900.000.000)	(8.748.432.203)
Số dư cuối năm	142.755.275.479	28.166.776.204	1.101.661.600	172.023.713.283
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	24.128.893.232	12.499.536.970	782.915.509	37.411.345.711
Khấu hao trong năm	2.833.505.113	10.101.826.423	89.005.000	13.024.336.536
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	(416.169.659)	(441.945.735)	(200.000.000)	(1.058.115.394)
Số dư cuối năm	26.546.228.686	22.159.417.658	671.920.509	49.377.566.853
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	125.620.472.366	5.823.491.075	1.218.746.091	132.662.709.532
Số dư cuối năm	116.209.046.793	6.007.358.546	429.741.091	122.646.146.430

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 7.025 triệu VND (1/1/2019: 7.025 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Hạ tầng khu công nghiệp VND</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	155.150.373.372	56.167.356.276	211.317.729.648
Tăng trong năm	55.405.177.880	1.466.749.768	56.871.927.648
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	696.539.940	696.539.940
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	122.723.013.122	122.723.013.122
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	-	(12.843.968.512)	(12.843.968.512)
Thanh lý	(1.516.963.673)	-	(1.516.963.673)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>209.038.587.579</b>	<b>168.209.690.594</b>	<b>377.248.278.173</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	8.387.636.296	24.414.669.564	32.802.305.860
Khấu hao trong năm	5.147.094.631	8.338.249.613	13.485.344.244
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	17.264.656.602	17.264.656.602
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	-	(9.863.367.680)	(9.863.367.680)
Thanh lý	(737.881.043)	-	(737.881.043)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>12.796.849.884</b>	<b>40.154.208.099</b>	<b>52.951.057.983</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	146.762.737.076	31.752.686.712	178.515.423.788
Số dư cuối năm	196.241.737.695	128.055.482.495	324.297.220.190

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn bao gồm:

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định là văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú là các căn hộ cho thuê tại Chung cư Nhân Phú, Số 26, Đường 7, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại Dệt May Nam Định là Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định;

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối là hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ, hệ thống cây xanh, mặt bằng, văn phòng điều hành tại Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên; và
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex là hệ thống cơ sở hạ tầng và nhà máy May Tuyên Quang tại Xã Phúc Ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang và hệ thống cơ sở hạ tầng cây xanh, mặt bằng, kho, nhà sản xuất của nhà máy may Hải Phòng tại Khu công nghiệp Tân Liên, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng.

Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho loại bất động sản đầu tư này.

**17. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	690.509.110.384	1.292.091.470.162
Tăng trong năm	410.217.623.309	796.751.237.708
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(682.586.730.265)	(1.387.627.200.862)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(720.000.000)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(696.539.940)	(831.565.455)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	(12.750.815.362)	(9.154.831.169)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	(83.383.079.298)	-
Xóa sổ	(24.268.740.189)	-
Vốn hóa chi phí chạy thử	7.871.127.972	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>304.911.956.611</b>	<b>690.509.110.384</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
▪ Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ		
• Nhà máy Sợi Nam Định	18.858.345.490	17.326.009.802
• Dự án Khu liên hợp Sợi - Dệt - Nhuộm - May Quảng Nam	4.779.604.583	116.759.471.318
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3		
• Nhà máy Sợi 2	148.557.693	214.563.787.967
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
• Dự án Nhà máy May	3.099.914.454	3.099.914.454
• Văn phòng Ngô Thì Nhậm	20.669.233.014	36.669.233.014
• Nhà máy Sợi Hưng Yên	5.973.859.190	5.973.859.190
• Dự án Nhà máy Sản xuất vải Vinafa	30.768.928.375	30.768.928.375
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam		
• Trang trại trồng bông công nghệ cao Đắk Lắk	-	12.493.091.904

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ		
• Đầu tư xây dựng Tổ hợp Trung tâm May Đo Thời trang - Showroom - Văn phòng cho thuê	26.342.272.713	-
• Cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải	2.841.983.614	-
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
• Nhà máy Dệt Nhuộm	-	10.500.489.959
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
• Dự án May Nghi Lâm	40.728.693.862	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam – Hanosimex		
• Công trình xây dựng Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam Hanosimex	18.857.851.051	17.290.017.451
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
• Nhà máy Nhuộm và Nhà máy Động lực	315.045.271	577.844.086
• Dự án Khu Công nghiệp Hoà Xá	13.262.879.215	13.262.879.215
• Các công trình khác	32.974.765.097	8.668.283.501
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú		
• Máy móc thiết bị	7.476.331.976	7.587.033.077
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
• Phân xưởng may	-	5.217.294.875
• Khuôn viên nhà 14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Lâm Đồng - Đà Lạt	-	6.993.979.466
• Dự án khăn bông và vải denim	-	16.139.806.496
• Dự án chuyển đổi nhà xưởng vải sang nhà xưởng may	12.006.765.900	-
• Cải tạo dây chuyền in ngành gia dụng	2.259.746.295	-
▪ Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Dệt may Phố Nối		
• Hệ thống xử lý nước thải	9.909.904.894	16.061.813.845
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Hoàng Thị Loan		
• Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	-	25.863.971.739
▪ Các công trình khác	53.637.273.924	124.691.400.650
	<b>304.911.956.611</b>	<b>690.509.110.384</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 35.567 triệu VND (1/1/2019: 583.224 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).

Trong năm, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 3.750 triệu VND (2018: 1.893 triệu VND).

Tập đoàn Điện Máy Việt Nam  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Trả trước phí bảo hiểm	14.514.864.161	4.297.869.772
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	8.957.276.927	4.124.839.490
Công cụ dụng cụ	11.198.995.818	9.636.495.306
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	11.518.706.207	8.626.108.977
	<u>46.189.843.113</u>	<u>26.685.313.545</u>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng trả trước VND	Công cụ, dụng cụ VND	Phụ tùng thay thế VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Chênh lệch tỷ giá (*) VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Chi phí đất trả trước VND	187.982.306.791	76.732.421.855	14.930.765.079	34.098.319.686	9.087.638.620	43.154.534.175	398.023.838.864
Số dư đầu năm	60.265.550.515	44.800.939.020	5.729.989.748	18.718.975.819	-	45.986.587.277	175.502.042.379
Tăng trong năm	(14.584.172.900)	(57.985.659.941)	(4.070.531.864)	(24.274.304.401)	(3.029.212.872)	(21.458.245.312)	(133.761.848.775)
Giảm do thoát vốn đầu tư vào các công ty con	(9.759.750.393)	(1.820.107.227)	(39.835.335)	(1.144.662.728)	-	(37.973.195.335)	(50.737.551.018)
Thanh lý	(774.615.869)	(2.192.303.295)	-	(4.087.080.899)	-	-	(7.054.000.063)
Số dư cuối năm	223.129.318.144	59.535.290.412	16.550.387.628	23.311.247.477	6.058.425.748	29.709.680.805	381.972.481.387

(\*) Việc hạch toán chênh lệch tỷ giá được trình bày ở Thuyết minh 3(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, chi phí trả trước dài hạn có giá trị ghi sổ là 11.265 triệu VND (1/1/2019: không có) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).



**19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>Thuế suất</b>	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:</b>			
Tài sản cố định	20%	2.343.321.126	1.479.176.660
Các khoản mục khác	20%	2.303.793.928	4.514.194.066
<b>Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		<b>4.647.115.054</b>	<b>5.993.370.726</b>
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:</b>			
Các khoản dự phòng	20%	62.239.358.739	55.700.980.180

**20. Lợi thế thương mại**

	<b>VND</b>
<b>Giá gốc</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	57.604.599.256
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	54.518.220.300
Khấu hao trong năm	3.086.378.956
Số dư cuối năm	57.604.599.256
<b>Giá trị ghi sổ</b>	
Số dư đầu năm	3.086.378.956
Số dư cuối năm	-

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải trả người bán là các công ty liên quan (*)	172.423.409.011	105.086.780.392
Phải trả người bán khác	1.177.393.131.788	1.207.353.456.338
	<u>1.349.816.540.799</u>	<u>1.312.440.236.730</u>

(\*) Chi tiết các khoản phải trả người bán là các công ty liên quan như sau:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	62.592.362.801	-
Công ty TNHH Coats Phong Phú	52.016.834.147	51.230.741.233
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	27.395.165.300	39.316.412.046
Công ty Cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai	21.812.092.514	-
Tổng Công ty May 10 – CTCP	5.308.001.975	-
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	1.892.851.344	-
Tổng Công Ty May Nhà Bè – CTCP	483.390.499	-
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	76.287.430	14.415.837.714
Các công ty liên quan khác	846.423.001	123.789.399
	<u>172.423.409.011</u>	<u>105.086.780.392</u>

Khoản phải trả các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 ngày đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	1/1/2019 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã được hoàn/ bù trừ trong năm VND	Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con VND	31/12/2019 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.290.643.391	3.951.582.620	(13.016.726.440)	(59.092.674)	2.166.406.897
Thuế xuất nhập khẩu	1.150.920.661	654.853.709	(1.403.631.066)	-	402.143.304
Các loại thuế khác	2.694.891.544	2.831.802.123	(4.953.558.747)	(26.696.891)	546.438.029
Các khoản khác	86.734.219	1.427.611	-	-	88.161.830
	15.223.189.815	7.439.666.063	(19.373.916.253)	(85.789.565)	3.203.150.060

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước**

	1/1/2019 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ được hoàn trong năm VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào/số phải thu VND	Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	26.088.037.254	562.825.343.923	-	(390.972.839.268)	(165.160.381.727)	(3.416.457.272)	29.363.702.910
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	13.689.148.104	(13.672.985.705)	-	-	16.162.399
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.763.223.122	-	41.278.095.976	(48.462.161.346)	-	(1.973.144.639)	8.606.013.113
Thuế thu nhập cá nhân	7.387.478.968	-	39.802.097.782	(38.494.388.501)	-	(311.110.852)	8.384.077.397
Thuế tài nguyên	144.799.653	-	1.883.754.482	(1.732.643.518)	-	(291.071)	295.619.546
Thuế nhà đất	13.752.101.178	-	1.112.276.595	(1.090.431.773)	-	-	13.773.946.000
Tiền thuế đất	17.150.917.325	-	42.809.393.329	(57.954.072.726)	-	(2.006.237.928)	-
Các loại thuế khác	45.053.764	-	3.601.499.164	(3.643.523.583)	-	-	3.029.345
	82.331.611.264	562.825.343.923	144.176.265.432	(556.023.046.420)	(165.160.381.727)	(7.707.241.762)	60.442.550.710

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Chi phí phải trả****(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	45.931.987.781	49.622.386.642
Chi phí mua sắm tài sản cố định, xây dựng nhà xưởng	7.458.605.289	6.244.307.466
Chi phí gia công thuê ngoài	7.300.891.855	4.841.847.649
Phí hoa hồng	6.585.089.728	7.078.538.027
Chi phí cải tạo, sửa chữa	1.626.461.433	20.604.944.282
Chi phí hoạt động	8.461.676.816	5.312.805.942
Chi phí thuê đất, nhà xưởng	2.304.124.079	4.904.976.118
Chi phí phải trả khác	9.841.263.893	13.811.527.871
	<hr/> <b>89.510.100.874</b>	<hr/> <b>112.421.333.997</b> <hr/>

**(b) Chi phí phải trả dài hạn**

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Tiền thuê đất phải trả (*)	24.665.472.000	25.614.144.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(948.672.000)	(948.672.000)
	<hr/> <b>23.716.800.000</b>	<hr/> <b>24.665.472.000</b> <hr/>

(\*) Phản ánh số tiền thuê đất tại Số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn 50 năm (từ ngày 14 tháng 3 năm 2005 đến ngày 14 tháng 3 năm 2055) được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo năm 2012 của Tập đoàn Dệt may Việt Nam (trước đây là Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam) của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (*)	360.509.747.843	360.509.747.843
Phải trả cổ tức	5.519.860.883	73.126.676.721
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	30.096.315.904	35.792.081.114
Phải trả lãi vay cho công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp	15.317.470.886	20.117.470.886
Phải trả lãi vay khác	6.271.087.244	14.237.106.733
Quỹ từ thiện	3.783.576.478	4.070.700.155
Vốn xây dựng cơ bản thuộc trách nhiệm của Tập đoàn cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN (Thuyết minh 6)	7.562.091.012	7.562.091.012
Phải trả về cổ phần hóa	5.722.638.728	5.705.200.229
Phải trả tiền hỗ trợ xây dựng nhà máy	-	11.986.748.090
Nhận ký quỹ và ký cược ngắn hạn	1.186.167.455	439.607.118
Các khoản phải trả khác	31.476.844.151	70.601.642.335
	467.445.800.584	604.149.072.236

(\*) Khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp liên quan đến phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ chuyển đổi sang công ty cổ phần theo Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ (“Công văn 17623”). Theo Công văn 17623, Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp số tiền này về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn phải nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc giữa Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Nhận tiền góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (*)	60.127.606.563	45.037.427.000
Nhận góp vốn dài hạn	5.226.000.000	6.826.000.000
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	9.212.500.000	14.212.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	21.372.236.867	21.005.654.052
	95.938.343.430	87.081.581.052

(\*) Phản ánh giá trị các bên khác góp vốn vào Dự án xây dựng nhà văn phòng của Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, tại Số 67 Phố Ngô Thì Nhậm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày báo cáo, các bên góp vốn chưa có kế hoạch cụ thể để xây dựng dự án.

**25. Doanh thu chưa thực hiện**

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Doanh thu nhận trước	342.091.257.276	244.232.173.047
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(13.679.365.174)	(10.990.211.459)
	328.411.892.102	233.241.961.588

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính**

**(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	1/1/2019		31/12/2019	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	5.006.819.891.406	14.044.321.353.891	(14.379.669.674.494)	3.928.890.364.969
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 26(b)(i))	569.998.758.238	476.668.416.518	(440.097.769.003)	573.833.327.194
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	130.000.000.000	-	(130.000.000.000)	-
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	20.127.416.832	31.976.280.079	(23.265.071.723)	28.820.281.712
Nợ dài hạn khác đến hạn trả trong vòng 12 tháng	880.410.000	-	(440.205.000)	-
	5.727.826.476.476	14.552.966.050.488	(14.973.472.720.220)	4.531.543.973.875
			(163.343.904)	
			(775.612.488.965)	



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, trong khoản vay ngắn hạn có 2.126.673 triệu VND (1/1/2019: 2.062.111 triệu VND) là các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 tổng cộng là 2.204.249 triệu VND (1/1/2019: 2.340.107 triệu VND) (các Thuyết minh 6, 7, 8, 12, 13, 17 và 18). Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 1,5% đến 10% (2018: 1,3% đến 10,5%).

Các khoản vay ngắn hạn còn lại là các khoản vay tín chấp từ ngân hàng và chịu lãi suất năm từ 1,8% đến 10% (2018: 1,3% đến 9,5%).

**(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Vay dài hạn (i)	4.534.609.224.579	5.150.463.976.252
Trái phiếu thường	-	130.000.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	71.960.273.583	38.082.409.758
Nợ dài hạn khác	17.899.543.721	35.865.983.097
	<hr/> 4.624.469.041.883	<hr/> 5.354.412.369.107
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 26(a))	(602.653.608.906)	(721.006.585.070)
	<hr/> 4.021.815.432.977	<hr/> 4.633.405.784.037

**(i) Vay dài hạn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, trong khoản vay dài hạn bao gồm:

- 2.084.668 triệu VND (1/1/2019: 2.508.432 triệu VND) là khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 4.415.282 triệu VND (1/1/2019: 5.586.230 triệu VND) (các Thuyết minh 6, 7, 8, 12, 13, 17 và 18). Các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 2,5% đến 10,5% (2018: từ 2,5% đến 11%).
- khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Châu Á với giá trị ghi sổ 1.625.777 triệu VND (1/1/2019: 1.626.827 triệu VND). Khoản vay này có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính.

## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 143.898 triệu VND (1/1/2019: 162.741 triệu VND);
  - một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3, Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú; và
  - các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 110.000 triệu VND (1/1/2019: khoản tương đương tiền của tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị 110.000 triệu VND).
- Các khoản vay từ cá nhân dưới dạng tín chấp và chịu lãi suất năm từ 2,5% đến 10% (2018: từ 2,5% đến 11%).

## 27. Dự phòng phải trả

Biến động của các khoản dự phòng phải trả trong năm như sau:

	Chi phí di dời VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	68.001.284.965	2.675.092.625	70.676.377.590
Dự phòng trích lập trong năm	-	2.746.088.196	2.746.088.196
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(43.335.616.395)	-	(43.335.616.395)
Số dư cuối năm	24.665.668.570	5.421.180.821	30.086.849.391
<i>Trong đó:</i>			
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	2.314.337.751	2.314.337.751
Dự phòng phải trả dài hạn	24.665.668.570	3.106.843.070	27.772.511.640

Dự phòng chi phí di dời liên quan đến chi phí di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đến cơ sở sản xuất kinh doanh mới.

## **28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	151.092.984.303	155.227.742.100
Trích lập trong năm	87.663.704.494	83.806.048.575
Sử dụng trong năm	(75.016.870.085)	(87.940.806.372)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	(2.889.902.100)	-
Số dư cuối năm	<u>160.849.916.612</u>	<u>151.092.984.303</u>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**29. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

Số dư tại ngày 1/1/2018	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguyên vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Nguyên kinh phí và các quỹ khác VND	Tổng cộng VND
Vốn góp/vốn cổ phần	5.000.000.000,000	29.911.650,892	42.248.630,739	(742.835,089,736)	494.461,905,677	10.981,645,059	569.477,391,709	550,677,792,232	1.833,965,919,812	7.788,889,846,384	32.422,652,022	7.821.312.498.406
Nguyên kinh phí nhận từ Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	39.992,602	-	14.840,260,000	14.840,260,000	-	14.840.260,000
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	35.402,656,207	-	438,096,563,180	-	94,652,898	134,645,500	-	134.645.500
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(35.402,656,207)	-	264,519,488,598	702,616,051,778	-	702.616.051.778
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	2.472,634,840	-	-	(67,440,039,224)	-	(16,366,009,351)	(83,806,048,575)	-	(83.806.048.575)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(4.009,127,492)	-	-	-	(2,249,162,860)	2,472,634,840	-	2.472.634.840
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(250,000,000,000)	-	(171,321,716,491)	(421,321,716,491)	-	(421.321.716.491)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(26,296,361,854)	(26,296,361,854)	-	(26.296.361.854)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty liên kết làm thay đổi ảnh hưởng đáng kể với các công ty liên kết này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(4,635,975,634)	-	(4.635.975.634)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát với các công ty con này	-	-	-	-	-	-	(1,243,138,174)	-	1,243,138,174	-	-	-
Phân loại lại	-	-	-	-	891,109,567	(10,981,645,059)	(2,678,937,761)	-	870,703,308	(917,124,886)	-	(917.124.886)
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2019</b>	<b>5.000,000,000,000</b>	<b>29,911,650,892</b>	<b>42,248,630,739</b>	<b>(740,362,454,896)</b>	<b>526,746,543,959</b>	<b>-</b>	<b>657,194,845,550</b>	<b>550,677,792,232</b>	<b>1,899,300,912,234</b>	<b>7,965,717,920,710</b>	<b>30,381,025,002</b>	<b>7,996,098,945,712</b>
Vốn góp/vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	-	23,107,250,000	23,107,250,000	-	23.107.250.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	518,732,727,686	-	197,604,937,178	716,337,664,864	-	716.337.664.864
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	21,322,272,796	-	(21,322,272,796)	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(76,252,061,332)	-	(11,411,643,162)	(87,663,704,494)	-	(87.663.704.494)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(1,087,554,708)	-	(300,000,000,000)	-	(1,127,068,458)	(2,214,623,166)	-	(2.214.623.166)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(154,668,017,443)	(454,668,017,443)	-	(454.668.017.443)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(204,647,177,843)	(211,012,427,843)	-	(211.012.427.843)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát với các công ty con này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Mua thêm tỷ lệ lợi ích tại công ty con từ các cổ đông không kiểm soát	-	-	3,823,815,234	727,901,159	(3,371,305,295)	-	(41,921,330,560)	-	(9,378,660,440)	(51,300,000,000)	-	(51.300.000.000)
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	(1,368,837,950)	-	13,194,008,435	13,005,581,583	-	13.005.581.583
<b>Số dư tại ngày 31/12/2019</b>	<b>5,000,000,000,000</b>	<b>29,911,650,892</b>	<b>30,707,195,973</b>	<b>(739,634,553,737)</b>	<b>543,609,956,752</b>	<b>-</b>	<b>739,021,636,748</b>	<b>550,677,792,232</b>	<b>1,748,015,965,351</b>	<b>7,911,309,644,211</b>	<b>28,339,397,982</b>	<b>7,939,649,042,193</b>

(\*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản là khoản chênh lệch phát sinh khi định giá lại giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ chuyển thành công ty cổ phần. Do phần vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ trong các công ty nhận đầu tư vẫn được phản ánh theo giá gốc của khoản đầu tư chứ không phải giá trị được xác định lại, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại và giá gốc của các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận là một khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là:

	31/12/2019 và 1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành		
	31/12/2019 và 1/1/2019		
	Số cổ phiếu	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Tập đoàn Vingroup - CTCP (*)	50.000.000	500.000.000.000	10,00%
ITOCHU Textile Prominent (ASIA) Limited	65.000.000	650.000.000.000	13,00%
Ông Bùi Mạnh Hưng	30.000.000	300.000.000.000	6,00%
Các cổ đông khác	87.561.900	875.619.000.000	17,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

(\*) Đây là cổ đông chiến lược của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 5 năm kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu. Trong trường hợp đặc biệt cổ đông chiến lược cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### 31. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 24 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2018 là 300.000 triệu VND (tỷ lệ 6% trên mệnh giá) (2018: 250.000 triệu VND (tỷ lệ 5% trên mệnh giá)).

#### 32. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

#### 33. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
<b>Nguồn chuyển mục đích sử dụng đất</b>		
▪ Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ	235.664.195.144	235.664.195.144
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	170.496.650.079	170.496.650.079
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	136.932.000.000	136.932.000.000
<b>Nguồn khác</b>	7.584.947.009	7.584.947.009
	<hr/>	<hr/>
	550.677.792.232	550.677.792.232

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn chuyển mục đích sử dụng đất được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nguồn vốn này sẽ được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn mà không cần Đại hội đồng Cổ đông thông qua khi các dự án đầu tư hoàn thành và được quyết toán.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn.

### 34. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

#### (a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Trong vòng một năm	48.077.156.998	24.233.316.886
Trong vòng hai đến năm năm	135.652.138.384	107.993.093.534
Sau năm năm	219.537.525.087	130.799.476.066
	403.266.820.469	263.025.886.486

#### (b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.521.279	55.659.819.769	5.884.734	135.819.847.264
EUR	2.766	71.336.568	28.888	831.597.075
		55.731.156.337		136.651.444.339

#### (c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt May Hapaco Hải Phòng	Không có khả năng thu hồi	2011	6.193.939.787	6.193.939.787
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19-5 Hà Nội	Không có khả năng thu hồi	2011	4.220.231.656	4.220.231.656
Phải thu các đối tượng khác	Không có khả năng thu hồi		12.673.783.224	15.622.379.174
			23.087.954.667	26.036.550.617

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(d) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.009.242.614.928	476.992.292.584
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	129.483.231.404	114.835.947.603
	<hr/> 1.138.725.846.332	<hr/> 591.828.240.187

**35. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	18.372.804.065.493	18.501.536.811.163
▪ Cung cấp dịch vụ và gia công	378.687.808.362	260.576.214.300
▪ Cho thuê lại đất thuê	33.276.475.474	93.735.861.183
▪ Bán và cho thuê bất động sản	237.912.376.299	280.308.763.347
	<hr/> 19.022.680.725.628	<hr/> 19.136.157.649.993
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(14.455.680.956)	(17.819.148.482)
▪ Giảm giá hàng bán	(1.536.313.200)	(1.952.050.680)
▪ Hàng bán bị trả lại	(20.682.334.675)	(14.920.318.663)
	<hr/> (36.674.328.831)	<hr/> (34.691.517.825)
Doanh thu thuần	<hr/> 18.986.006.396.797	<hr/> 19.101.466.132.168



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***36. Giá vốn hàng bán**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm và hàng hóa đã bán	17.115.426.604.406	16.816.028.775.628
▪ Dịch vụ đã cung ứng	187.439.445.294	190.374.202.367
▪ Cho thuê lại đất thuê	194.055.828.295	173.950.617.977
▪ Bán và cho thuê bất động sản	27.578.239.804	93.151.186.176
▪ (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(54.316.707.985)	26.961.958.887
	<b>17.470.183.409.814</b>	<b>17.300.466.741.035</b>

**37. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	128.761.901.521	136.801.660.753
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	15.242.778.513	63.547.530.135
Cổ tức được chia	25.721.537.665	24.188.298.245
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.070.706.923	75.524.687.584
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.339.023.602	11.544.418.686
Lãi do thoái vốn đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh 5)	122.454.786.167	1.845.786.691
Lãi do thanh lý công ty liên kết	15.975.264.932	7.181.233.855
Doanh thu hoạt động tài chính khác	13.762.379.675	3.800.614.908
	<b>366.328.378.998</b>	<b>324.434.230.857</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***38. Chi phí tài chính**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	517.331.839.298	457.300.477.034
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	6.398.267.991	11.879.251.337
Lỗ do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại các công ty liên kết	4.699.153.168	1.014.502.289
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.298.641.439	95.946.585.244
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.023.697.951	66.595.352.522
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	2.472.852.949	4.094.816.429
Chi phí tài chính khác	2.110.060.768	7.054.467.676
	<hr/>	<hr/>
	549.334.513.564	643.885.452.531
	<hr/>	<hr/>

**39. Chi phí bán hàng**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	86.546.319.271	77.472.886.558
Chi phí công cụ và dụng cụ	10.006.952.077	10.361.164.693
Chi phí khấu hao và phân bổ	7.363.396.862	5.246.679.088
Chi phí vận chuyển	148.989.720.208	156.327.690.135
Chi phí quảng cáo khuyến mãi	5.026.109.863	7.899.512.082
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.478.835.167	127.188.682.429
Chi phí bao bì	28.447.190.682	37.894.504.169
Chi phí hoa hồng	32.778.774.280	32.958.922.815
Chi phí xuất nhập khẩu	24.963.314.659	20.550.788.943
Chi phí bán hàng khác	74.038.538.637	60.662.285.274
	<hr/>	<hr/>
	548.639.151.706	536.563.116.186
	<hr/>	<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***40. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên văn phòng	375.213.683.102	425.138.500.518
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý	26.237.013.156	29.376.940.546
Chi phí khấu hao và phân bổ	44.254.093.338	49.694.561.860
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(41.601.779.517)	28.540.250.869
Thuế, phí và lệ phí	24.080.669.525	40.232.416.559
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.770.133.933	101.424.326.981
Tiền thuê đất	25.292.489.918	25.243.148.057
Công tác phí	20.454.476.370	25.651.405.715
Chi phí tiếp khách	14.590.353.443	16.715.792.217
Chi phí đào tạo	4.115.928.932	5.006.306.553
Chi phí khác	161.713.561.426	146.971.636.904
	<hr/>	<hr/>
	758.120.623.626	893.995.286.779

**41. Thu nhập khác**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Lãi từ thanh lý tài sản dài hạn	9.964.729.948	25.956.046.623
Tiền đền bù, giải phóng mặt bằng nhận được từ các bên khác	5.231.015.254	18.551.002.556
Bán phế liệu	-	311.881.302
Thu từ hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	1.955.440.003	2.131.292.893
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	11.457.644.240	1.780.266.580
Nợ phải trả được xóa tại một công ty con của Tập đoàn sau khi hoàn thành giải phóng mặt bằng	-	76.095.142.053
Hỗ trợ	16.747.519.047	-
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	12.000.000.000	-
Gốc vay được xóa	2.000.000.000	-
Thu từ các khoản khác	26.694.822.876	23.253.178.820
	<hr/>	<hr/>
	86.051.171.368	148.078.810.827

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***42. Chi phí khác**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Lỗ do thanh lý tài sản dài hạn và chi phí thanh lý	2.519.526.962	21.662.546.763
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	6.459.792.693	6.911.512.493
Phạt vi phạm thuế	3.371.572.984	675.667.628
Chi phí hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	1.783.309.000	2.000.307.685
Chi phí giải phóng mặt bằng	-	61.818.181.818
Chênh lệch chi phí đầu tư dự án Ialop-Daklak sau khi chuyển nhượng	13.398.046.635	-
Tiền thuê đất nộp bổ sung	3.932.747.590	-
Chi các khoản khác	15.799.767.036	17.251.500.918
	<hr/>	
	47.264.762.900	110.319.717.305

**43. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	8.937.563.551.407	7.437.872.535.983
Chi phí nhân viên	3.447.171.938.656	3.773.920.302.859
Chi phí khấu hao	838.433.202.513	889.228.800.886
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.551.242.776.762	2.602.771.918.166
Chi phí khác	2.297.572.908.191	1.805.815.750.908

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**44. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2019 VND	2018 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	38.316.257.818	63.802.192.490
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.961.838.158	664.062.986
	41.278.095.976	64.466.255.476
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	7.884.634.231	(5.681.619.408)
Chi phí thuế thu nhập	49.162.730.207	58.784.636.068

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	765.500.395.071	761.400.687.846
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ	153.100.079.014	152.280.137.569
Ưu đãi thuế	(5.863.256.617)	(5.375.177.238)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(13.364.126.410)	(8.549.237.187)
Chi phí không được khấu trừ thuế	12.621.404.957	22.715.983.735
Thu nhập không bị tính thuế	(145.275.689.437)	(139.368.025.215)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(2.142.454.501)	(6.705.260)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	47.124.935.043	36.423.596.678
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.961.838.158	664.062.986
	49.162.730.207	58.784.636.068

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định của pháp luật thuế hiện hành áp dụng cho từng công ty.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***45. Lãi trên cổ phiếu****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền. Chi tiết như sau:

	2019	2018
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho các cổ đồng công ty mẹ (VND)	518.732.727.686	438.096.563.180
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(76.252.061.332)	(67.440.039.224)
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VND)	442.480.666.354	370.656.523.956
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	500.000.000	500.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	885	741

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi dựa trên cơ sở của số đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận cho năm 2018.

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh cho ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm tàng, chi tiết như sau:

	2019	2018
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VND)	442.480.666.354	370.656.523.956
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	500.000.000	500.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm tàng trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (số cổ phiếu) (Thuyết minh 33)	55.067.779	55.067.779
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm) (số cổ phiếu)	555.067.779	555.067.779
Lãi suy giảm trên cổ phiếu trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (VND/cổ phiếu)	797	668

**46. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2019 VND	2018 VND
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Công ty TNHH Coats Phong Phú</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	439.018.645.809	350.137.903.821
Mua hàng hóa và dịch vụ	192.597.495.632	124.584.728.295
<b>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.500.132.755	1.393.097.378
Mua hàng hóa và dịch vụ	12.265.000	3.870.766.874
<b>Công ty Cổ phần May Bình Minh</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	746.847.551	350.442.726
Mua hàng hóa và dịch vụ	83.181.818	-
<b>Tổng Công ty May 10 - CTCP</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.468.075.720	442.804.186
Mua hàng hóa và dịch vụ	16.068.316.373	16.192.455.025
<b>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.845.377.833	2.519.327.395
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.742.293.323	4.859.101.643
<b>Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	17.264.487.006	22.805.064.947
<b>Công ty Cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai</b>		
Cung cấp dịch vụ	20.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam</b>		
Thu nhập tiền lãi	1.799.999.996	1.799.999.996
<b>Công ty Cổ phần May Hữu Nghị</b>		
Cung cấp dịch vụ	9.090.909	-
<b>Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	198.106.540.490	246.497.293.540
<b>Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	903.531.651	6.580.774.139
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.760.317.871	450.791.300

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2019 VND	2018 VND
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.116.619.321	1.021.867.971
Mua hàng hóa và dịch vụ	70.817.115.352	67.717.024.444
<b>Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định</b>		
Khoản cho vay	7.400.000.000	12.600.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	10.200.000.000	11.400.000.000
Thu nhập lãi vay	546.662.760	573.528.271
Lãi do người mua chậm trả	150.000.000	197.500.000
Bán hàng hóa	1.167.240.409	1.125.261.054
Thoái vốn	-	2.346.000.000
<b>Công ty Cổ phần May I Dệt Nam Định</b>		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.951.681.440,0	823.542.750,0
Vốn góp	-	692.500.000,0
<b>Công ty Cổ phần Hòa Thọ - Quảng Nam</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	91.907.845	45.839.405
Mua hàng hóa	83.166.271.692	89.522.866.675
<b>Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	20.000.000	79.200.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	80.683.578.851	11.554.806.416
<b>Công ty Cổ phần May Hưng Yên</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	239.971.624	202.155.717
<b>Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu</b>		
Khoản cho vay	-	95.665.454
Hoàn trả gốc vay	1.470.042.156	-
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định</b>		
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	5.000.000.000	12.000.000.000
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao đã trả	3.160.009.192	3.345.257.204
<b>Cơ quan Tổng Giám đốc</b>		
Lương và thù lao đã trả	3.845.892.767	3.761.689.606



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***47. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Vốn hóa chi phí chạy thử	7.871.127.972	-
Tăng tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	40.774.435.881	-
Gốc vay được xóa sổ	2.000.000.000	-
Lãi vay nhập gốc	-	2.375.511.831
Bù trừ khoản phải thu cổ tức và phải trả khác	-	4.526.480.000

**48. Số liệu so sánh**

Ngày 28 tháng 4 năm 2018, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, công ty con cấp 1 của Tập đoàn đã có biên bản thanh lý hợp đồng góp vốn vào các hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát tại Dự án Khu công nghiệp Đồng Mai trị giá 225 tỷ VND. Khoản góp vốn này được ghi nhận là phải thu dài hạn khác thay vì phải thu ngắn hạn khác trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Trong năm, Cơ quan Tổng giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định điều chỉnh hồi tố thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 liên quan đến vấn đề này.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	<b>1/1/2019</b> <b>(đã điều chỉnh lại)</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>(theo báo cáo trước đây)</b> <b>VND</b>
Phải thu ngắn hạn khác	1.128.786.266.023	903.786.266.023
Phải thu dài hạn khác	450.751.808.800	675.751.808.800

Ngoại trừ điều chỉnh nói trên, số liệu so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ngày 7 tháng 4 năm 2020

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách  
Trưởng Ban Tài chính Kế toán



Lê Tiên Trường  
Tổng Giám đốc

**Phụ lục 1**

Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019
1	Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	100%	100%	115.815.363.458	115.815.363.458	-	-
2	Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	100%	100%	156.584.867.884	156.584.867.884	-	-
3	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	80,74%	80,74%	24.852.076.451	24.852.076.451	17.282.879.453	17.282.879.453
4	Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (i)	56,68%	66,51%	39.196.265.350	39.196.265.350	625.000.000	3.321.637.541
5	Công ty Cổ phần Phát Triển Hạ tầng Dệt May Phố Nội	51,00%	51,00%	41.822.531.336	41.822.531.336	-	-
6	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hoà Thọ	64,96%	64,96%	189.153.465.950	189.153.465.950	-	-
	Công ty Cổ phần Len Việt Nam (ii)	-	68,77%	-	28.259.101.159	-	1.337.103.882
7	Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	23.107.500.000	23.107.500.000	-	-
8	Công ty Cổ phần Dệt May Huế	63,90%	63,90%	181.864.228.000	181.864.228.000	-	-
9	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	81.555.023.813	-	-
	Công ty Cổ phần Bông Việt Nam (ii)	-	55,00%	-	24.750.000.000	-	-
	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex (iii)	-	51,06%	-	41.130.079.185	-	5.000.000.000
10	Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	50,10%	50,10%	529.510.310.129	529.510.310.129	-	-
11	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex	100%	100%	521.697.862.979	521.697.862.979	-	-
12	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex	100%	100%	191.301.358.205	191.301.358.205	-	-
13	Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng (iv)	59,74%	52%	33.800.000.000	13.000.000.000	-	-

(i) Trong năm, Tập đoàn đã thanh lý Công ty Cổ phần Bông Việt Nam – Công ty con cấp 1, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài.

(ii) Đây là công ty con thanh lý trong năm.

(iii) Trong năm, các cổ đông thiểu số của Công ty này đã mua thêm cổ phần, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty này. Công ty này trở thành công ty liên kết của Tập đoàn.

(iv) Trong năm, công ty đã phát hành thêm cổ phiếu cho Tập đoàn và các cổ đông khác, qua đó làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty này.

**Phụ lục 2**

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019
<b>Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</b>									
1	Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	49,94%	49,94%	76,88%	76,88%	2.667.900.000	2.667.900.000	-	-
2	Công ty May Hòa Thọ - Hội An	35,19%	35,19%	54,18%	54,18%	5.418.000.000	5.418.000.000	-	-
3	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	53,09%	53,09%	81,73%	81,73%	8.173.000.000	8.173.000.000	-	-
4	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	64,96%	64,96%	100%	100%	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
5	Công ty Cổ phần Hòa Thọ Thăng Bình (i)	48,39%	33,13%	74,49%	51,00%	74.490.000.000	26.520.000.000	-	-
<b>Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định</b>									
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	28,19%	28,19%	52,52%	52,52%	2.876.479.633	2.876.479.633	-	-
7	Công ty TNHH Một thành viên Chấn Len – Dệt may Nam Định	53,67%	53,67%	100%	100%	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
8	Công ty Cổ phần May IV Dệt Nam Định	28,69%	28,69%	53,46%	53,46%	4.009.500.000	4.009.500.000	-	-
9	Công ty Cổ phần Dệt Khãn Dệt May Nam Định	33,59%	33,59%	62,58%	62,58%	5.632.500.000	5.632.500.000	-	-
	Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định (ii)	-	48,78%	-	90,88%	-	27.264.000.000	-	-

**Phụ lục 2**

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá gốc khoản đầu tư VND	Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019			
<b>Công ty con của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam</b>								
	Công ty Cổ phần Bông Tây Nguyên (iii)	-	29,80%	-	54,18%	-	-	-
	Công ty Cổ phần Bông & Kinh doanh Tổng hợp Miền Trung (iii)	-	42,91%	-	49,81%	-	-	4.308.702.000
	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nha Hồ (iii)	-	29,70%	-	54,00%	-	-	-
<b>Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex</b>								
	Công ty Cổ phần May Nam An (iii)	-	31,50%	-	64,33%	-	-	-
	Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa (iii)	-	36,72%	-	75,00%	-	-	-
	Công ty TNHH May Vinatex Bông Sơn (iii)	-	48,97%	-	100%	-	-	-
<b>Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú</b>								
	Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam (ii)	-	30,55%	-	60,99%	-	-	-
	Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang (ii)	-	26,04%	-	51,97%	-	-	-
10	Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú (trước đây là Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú) (iv)	44,39%	35,57%	88,61%	71%	200.527.468.554	105.750.000.000	-

**Phụ lục 2**

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá gốc khoản đầu tư VND	Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND
		31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019		
<b>Công ty con của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex</b>							
11	Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	100%	100%	100%	100%	128.068.211.370	-
12	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	57,57%	57,57%	57,57%	57,57%	118.026.000.000	-
13	Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh (v)	87,75%	68,86%	87,75%	68,86%	70.200.000.000	-

- (i) Trong năm, Công ty Cổ phần Hòa Thọ Thăng Bình đã phát hành thêm cổ phiếu cho Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các cổ đông thiểu số, qua đó làm tăng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty con này.
- (ii) Đây là các công ty con được chuyển thành công ty liên kết trong năm.
- (iii) Đây là các công ty con thanh lý trong năm.
- (iv) Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã mua lại cổ phần của các cổ đông thiểu số và góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú, qua đó làm tăng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty con này.
- (v) Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đã chuyển giao cổ phần tại công ty con này cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex qua đó làm tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex và Tập đoàn tại công ty con này.

**Phụ lục 3**

Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019
<b>Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội</b>									
1	Cty Cổ phần Thời trang Hanosimex	37,42%	37,42%	65,00%	65,00%	5.850.000.000	5.850.000.000	-	-
2	Công ty Cổ phần Dệt May Hoàng Thị Loan	43,70%	43,70%	75,90%	75,90%	26.653.336.785	26.653.336.785	-	-
3	Công ty Cổ phần Thương mại Hải Phòng Hanosimex	29,40%	29,40%	51,07%	51,07%	5.107.360.406	5.107.000.000	-	-
4	Công ty Cổ phần May Halotexco	37,75%	37,75%	53,64%	53,64%	3.755.000.000	3.755.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000
5	Công ty Cổ phần May Hải Phòng Hanosimex	34,67%	34,67%	50,00%	50,00%	1.250.000.000	1.250.000.000	500.000.000	500.000.000
6	Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam – Hanosimex	57,57%	57,57%	100%	100%	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
7	Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex	31,10%	31,10%	53,23%	53,23%	13.039.194.560	13.039.194.560	-	-
8	Công ty Cổ phần Dệt kim Hanosimex	77,27%	77,27%	51,32%	51,32%	19.500.000.000	19.500.000.000	13.274.943.881	13.274.943.881

**Phụ lục 4**

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019
<b>Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>					
1	Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần	27,69%	27,69%	50.400.000.000	50.400.000.000
2	Tổng Công ty Đức Giang – Công ty Cổ phần (i)	35,21%	35,21%	31.692.220.000	25.287.630.000
3	Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP	35,01%	35,01%	47.434.460.000	47.434.460.000
4	Công ty Cổ phần May Bình Minh	25,00%	25,00%	13.230.000.000	13.230.000.000
5	Công ty Cổ phần May Hữu Nghị	29,24%	29,24%	34.766.360.000	34.766.360.000
6	Công ty Cổ phần May Đồng Nai	25,70%	25,70%	28.108.080.000	28.108.080.000
7	Công ty Cổ phần Vinatex OJ	35,00%	35,00%	10.143.000.000	10.143.000.000
8	Công ty Cổ phần May Chiến Thắng	21,99%	21,99%	6.120.000.000	6.120.000.000
9	Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng	30,00%	30,00%	9.000.000.000	9.000.000.000
10	Công ty Cổ phần May Đáp Cầu (i)	24,04%	24,04%	16.407.300.000	12.621.000.000
11	Công ty Cổ phần May Nam Định	30,00%	30,00%	3.600.000.000	3.600.000.000
12	Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu	44,00%	44,00%	3.564.000.000	3.564.000.000
13	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	23,46%	23,46%	610.000.000	610.000.000
14	Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	134.059.200.000	134.059.200.000
15	Tổng Công ty Việt Thắng – Công ty Cổ phần	46,93%	46,93%	98.550.000.000	98.550.000.000
16	Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần	33,82%	33,82%	102.273.980.000	102.273.980.000
17	Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	40,33%	40,33%	85.443.720.435	85.346.535.875
18	Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	30,66%	30,66%	95.877.720.000	95.877.720.000
19	Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	21,21%	27,00%	29.700.000.000	29.700.000.000
20	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex (ii)	44,52%	-	37.275.000.000	-
<b>Công ty liên kết của Tổng Công Ty Cổ phần Dệt may Nam Định</b>					
21	Công ty Cổ phần May 1 Dệt Nam Định	19,32%	19,32%	2.700.000.000	2.700.000.000
22	Công ty CP Đô thị Dệt May Nam Định	26,81%	26,81%	31.100.000.000	31.100.000.000
23	Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	19,32%	19,32%	1.980.000.000	1.980.000.000

**Phụ lục 4**

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019
24	Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định (ii)	24,67%	-	13.791.000.000	-

<b>Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội</b>					
25	Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex	16,68%	16,68%	1.159.000.000	1.159.000.000
<b>Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</b>					
26	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	17,69%	17,69%	4.000.000.000	4.000.000.000
27	Công ty Cổ phần Hòa Thọ - Quảng Nam	20,88%	20,88%	6.428.000.000	6.428.000.000
<b>Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú</b>					
28	Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	80.347.424.000	80.347.424.000
29	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	10,77%	10,77%	10.000.000.000	10.000.000.000
30	Công ty Cổ phần May Đà Lạt	35,27%	35,27%	10.048.648.520	10.048.648.520
31	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức	22,05%	22,05%	144.586.200.608	144.596.306.997
32	Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam (ii)	18,03%	-	21.724.480.000	-
33	Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang (ii)	15,20%	-	56.143.750.000	-
34	Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú (iii)	15,89%	19,74%	7.755.326.237	8.011.203.600
<b>Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex</b>					
	Công ty Cổ phần May Vinatex Hương Trà (iv)	-	12,24%	-	7.500.000.000

- (i) Trong năm, các công ty liên kết này đã tăng vốn cổ phần từ quỹ đầu tư phát triển và thặng dư vốn cổ phần, qua đó làm tăng giá trị đầu tư theo mệnh giá của Tập đoàn tại các công ty liên kết này.
- (ii) Đây là công ty con được chuyển thành công ty liên kết trong năm.
- (iii) Trong năm, Tập đoàn đã bán một số cổ phần tại Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú.
- (iv) Trong năm, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex trở thành Công ty liên kết của Tập đoàn, do đó Công ty Cổ phần May Vinatex Hương Trà không còn là công ty liên kết của Tập đoàn.



Số: 259/TĐDMVN-TCKT  
v/v: giải trình một số vấn đề  
trong BCTC kiểm toán năm  
2019

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tập đoàn Dệt May Việt Nam (mã CK: VGT) xin giải trình một số vấn đề trong báo cáo tài chính (BCTC) hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam như sau:

1. Về ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019:

Công ty TNHH Coats Phong Phú (Coats Phong Phú) là công ty liên kết của Tổng công ty Cổ phần Phong Phú (công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam), trong đó TCT CP Phong Phú sở hữu 35% vốn điều lệ của Coats Phong Phú. Do đó, khi hợp nhất BCTC, Tập đoàn ghi nhận khoản đầu tư vào Coats Phong Phú theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 460 tỷ VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019 (1/1/2019: 432 tỷ VND). Phần sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Coats Phong Phú là 28 tỷ VND (2018: 79 tỷ VND), đang được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Do mức độ ảnh hưởng trọng yếu của Coats Phong Phú đến BCTC kiểm toán hợp nhất của Tập đoàn, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã đề nghị TCT CP Phong Phú và Coats Phong Phú cho phép KPMG tiếp cận các tài liệu liên quan đến công tác kiểm toán BCTC năm 2019 của Coats Phong Phú.

Tuy nhiên, đến ngày 08/04/2020 là thời điểm phát hành BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo hạn định, KPMG vẫn chưa được tiếp cận với các sổ sách và chứng từ kế toán của Coats Phong Phú cũng như không được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này nên không thể thực hiện được các thủ tục soát xét cần thiết đối với khoản đầu tư vào Coats Phong Phú. Do đó, KPMG đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về các ảnh hưởng có thể có của Coats Phong Phú đến BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019 của Tập đoàn.

2. Kết quả kinh doanh lũy kế trên BCTC hợp nhất quý 4/2019 đã công bố so với BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019 có sự chênh lệch trên 5%:

- LNST lũy kế trên BCTC hợp nhất quý 4/2019: 628.296.760.023 đồng
- LNST năm 2019 trên BCTC kiểm toán hợp nhất: 716.337.664.864 đồng

Chênh lệch tăng: 88.040.904.841 đồng, tương đương tỷ lệ tăng 14,01% so với số trước kiểm toán.

Nguyên nhân chính:

Tập đoàn Dệt May Việt Nam là đơn vị có 34 công ty con, 34 công ty liên kết và rất nhiều các khoản đầu tư tài chính khác. BCTC hợp nhất quý 4/2019 của Tập đoàn được lập trên cơ sở BCTC quý 4/2019 của các công ty con, công ty liên kết. Khi kiểm toán BCTC hợp nhất của Tập đoàn, đơn vị kiểm toán đã điều chỉnh số liệu theo BCTC sau kiểm toán của các công ty con, công ty liên kết. Do đó, sự chênh lệch kết quả kinh doanh giữa BCTC trước và sau khi kiểm toán của số lượng lớn các công ty con, công ty liên kết đã làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh hợp nhất sau kiểm toán của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cam kết nội dung trong bản giải trình trên đây là trung thực và chính xác.

Trân trọng!

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC** 



**Lê Tiến Trường**